

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Dũng;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Tú N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Năng T, xã Nghĩa P, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh T, chị N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 04/11/2024, bản tự khai ngày 08/11/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Tú N trình bày:*

Chị (Lê Tú N) và anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 02, ngày 22/01/2009. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống tại nhà mẹ của chị N cho đến nay; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh cháu Nguyễn Lê Bảo N (con đầu) thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể nếu

kéo, hàn gắn lại được.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chia sẻ công việc với chị, thường xuyên cò bạc. Chị và người thân trong gia đình đã khuyên nhủ anh T rất nhiều lần, anh T cam kết thay đổi, nhưng vẫn tiếp diễn; chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để các con có mái ấm gia đình, tình thương đầy đủ của cả cha, lẫn mẹ, nhưng chị vẫn không thể nào chịu đựng thêm được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh T có với nhau 03 (ba) con chung, gồm: cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 20/9/2009; cháu Nguyễn Lê Bảo Y, sinh ngày 03/7/2013, cháu Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 07/4/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao 02 cháu T, Y cho chị, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện chăm sóc và khả năng nuôi con: Theo chị N, hiện tại chị có nghề may mặc, nhận hàng gia công cho các xưởng may, công việc thường xuyên và ổn định; có mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng; chị có thể chủ động về thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học. Ngoài ra chị còn chăn nuôi, trồng trọt có thêm thu nhập khác đảm bảo về mọi mặt để nuôi dạy con tốt hơn anh T.

- Về tài sản chung: Chị với anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và cam đoan lời trình bày của mình về nợ chung của vợ chồng là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày của mình. Ngoài ra, chị N không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 08-01-2025, bản tường trình ngày 11-4-2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân (quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng...), về con chung, tài sản chung, nợ chung, về điều kiện và khả năng nuôi con. Tuy nhiên, kể từ khi chị N gửi đơn đến Tòa xin ly hôn, anh đã thay đổi cách sống, thường xuyên chăm sóc vợ, con, chia sẻ công việc cùng với chị; hàng tháng anh có đưa tiền cho chị N để nuôi con ăn học.

Nay, chị N yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Vì theo anh, trong thời gian qua anh đã thay đổi cách sống và sẽ tiếp tục cố gắng để làm tròn trách nhiệm của người cha, người chồng trong gia đình, mong chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn nuôi con, các con có được mái ấm gia đình có đủ cả cha, lẫn mẹ như bao đứa trẻ khác. Trường hợp, chị N vẫn kiên quyết ly hôn và có căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết giao 02 cháu Nguyễn Lê Bảo T, Nguyễn Lê Bảo Y cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Lê Bảo N cho chị N nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện chăm sóc và khả năng nuôi con: Theo anh T, hiện tại anh đang

có công việc ổn định tại Công ty dày da KM3 Khu công nghiệp Visip Quảng Ngãi, với mức lương hàng tháng 18.000.000 đồng, thu nhập của anh cao hơn chị N, nên điều kiện và khả năng nuôi con của anh đảm bảo tốt hơn chị N.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý đơn khởi kiện, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan, điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đời sống chung vợ chồng giữa chị N với anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị N được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Lê Bảo N và cháu Nguyễn Lê Bảo T cho chị N, giao cháu Nguyễn Lê Bảo Y cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T, chị N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Tú N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T và giải quyết vấn đề con chung; quá trình giải quyết vụ án chị N, anh T đều thống nhất trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Tú N trên cơ sở xem xét, phân tích, đánh giá ý kiến, nguyện vọng của bị đơn anh Nguyễn Hoàng T; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn, được UBND

xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 02, ngày 22/01/2009; trước khi kết hôn cả hai có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, không bị ép buộc, nên hôn nhân giữa anh T, chị N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, anh T và chị N có nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân xuất phát từ anh T không cùng chị N làm ăn, chăm lo cho gia đình, mà thường xuyên cờ bạc... Mặc dù, đã được chị N và người thân khuyên nhủ, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ khi chị N nộp đơn xin ly hôn anh T có thay đổi, tuy nhiên, chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc cho chị được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị N, cả 02 (hai) đều có nguyện vọng và có đủ các điều kiện, khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con; Hội đồng xét xử xét thấy:

Cháu Nguyễn Bảo T hiện tại chưa đủ 07 tuổi và chậm phát triển về thể chất nên cần sự ân cần, chăm sóc trực tiếp của mẹ mới đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Do đó cần phải giao cháu T cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 20/9/2009; cháu Nguyễn Lê Bảo Y, sinh ngày 03/7/2013; cả 02 cháu đều đã trên 07 tuổi và tại bản trình bày 02 cháu N, Y đều có nguyện vọng được ở với mẹ (chị N) khi ba, mẹ ly hôn. Tuy nhiên, nếu giao cả 03 cháu (N, Y, T) cho chị N nuôi dưỡng thì chị N sẽ gặp nhiều khó khăn về kinh tế, cũng như điều kiện, khả năng và thời gian chăm sóc cho các cháu. Do đó, cần phải giao cho anh T một trong hai cháu là N hoặc Y.

Xét, cháu N lớn tuổi hơn, có những hiểu biết và nhận thức tốt hơn cháu Y và còn khoảng 02 năm nữa là đến tuổi thành niên nên việc giao cháu Ng và cháu T cho chị N được nuôi dưỡng và giao cháu Y cho anh T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu (N, Y, T); đồng thời đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con khi ly hôn theo quy định tại Điều 71, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị N không ai có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh T, chị N đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Anh T, chị N đều trình bày không có và cam đoan đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Tú N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với

nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 71, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Tú N về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Tú N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

1.2. Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 20/9/2009 và cháu Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 03/7/2020 cho chị Lê Tú N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Lê Bảo Y, sinh ngày 07/4/2020 cho anh Nguyễn Hoàng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N, anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị N, anh T.

Anh T và chị N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Tú N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004440 ngày 13-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Phương,
huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn

v